****

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP PHẦN MỀM TÀI CHÍNH

**TÀI LIỆU PHÂN TÍCH YÊU CẦU**

**Chỉnh sửa tính năng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã dự án** | **KBSV** |
| **Phiên bản** | **1.0** |
| **Ngày hiệu lực** |  |
| **Gói bàn giao** |  |

**Hà Nội, 10/2020**

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

| **Ngày thay đổi** | **Mục thay đổi** | **Lý do** | **Mô tả thay đổi** | **Phiên bản mới** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 25/11/2020 |  |  | Tạo tài liệu | 1.0 |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**MỤC LỤC**

[1. GIỚI THIỆU 5](#_Toc57490658)

[1.1. Mục đích tài liệu 5](#_Toc57490659)

[1.2. Phạm vi tài liệu 5](#_Toc57490660)

[1.3. Khái niệm, thuật ngữ, các từ viết tắt 5](#_Toc57490661)

[1.4. Mô tả chung 5](#_Toc57490662)

[2. YÊU CẦU CHỈNH SỬA 5](#_Toc57490663)

[2.1. Xử lý Room, Pool 5](#_Toc57490664)

[2.1.1. [Flex] Thêm mới khai báo Room 8](#_Toc57490665)

[2.1.2. [Flex] Thêm mới khai báo dư nợ theo mã (Proom) 11](#_Toc57490666)

[2.1.3. [Flex] Tổng hợp Roon, Proom hỗ trợ xử lý 13](#_Toc57490667)

[2.1.4. [Flex, FO] Xử lý kiểm tra và đánh dấu Room, Proom 14](#_Toc57490668)

[2.1.5. [FO] Sửa đồng bộ Room FO xuống Flex 17](#_Toc57490669)

[2.1.6. [Flex] Sửa đánh dấu trong Batch 17](#_Toc57490670)

[2.1.7. [Flex, FO] Sửa công thức tính sức mua, số lượng chứng khoán được rút/chuyển 17](#_Toc57490671)

[2.1.8. [Flex] Thêm mới view kiểm soát Room 18](#_Toc57490672)

[2.1.9. [Flex] Thêm mới view kiểm soát Room riêng 19](#_Toc57490673)

[2.1.10. [Flex] Thêm mới view kiểm soát Proom 19](#_Toc57490674)

[2.1.11. [Flex] Thêm mới báo cáo kiểm soát Room 20](#_Toc57490675)

[2.1.12. [Flex] Thêm mới báo cáo kiểm soát Proom 20](#_Toc57490676)

[2.1.13. [Flex] Thêm mới báo cáo khoanh nợ trên tiểu khoản 20](#_Toc57490677)

[2.1.14. [Flex] Sửa view MR9000, MR9000\_1 Dự kiến phát vay 20](#_Toc57490678)

[2.1.15. [Flex] Thêm mới import Thông tin Room 21](#_Toc57490679)

[2.1.16. [Flex] Thêm mới import thông tin dư nợ theo mã 22](#_Toc57490680)

[2.1. Khai báo Rổ cho vay 24](#_Toc57490681)

[2.1.1. [Flex] Sửa màn hình 020011: Quy định rổ chứng khoán 25](#_Toc57490682)

[2.1.2. [Flex, FO] Sửa cách tổng hợp dữ liệu, tính toán số liệu 27](#_Toc57490683)

[2.1.3. [Flex] Sửa chức năng import I002: Rổ sản phẩm Credit line 29](#_Toc57490684)

[2.2. Chặn ứng trước theo mã 30](#_Toc57490685)

[2.2.1. [Flex] Thêm mới khai báo mã không cho vay ứng trước 31](#_Toc57490686)

[2.2.2. [Flex] Đồng bộ các mã chặn ứng lên FO 32](#_Toc57490687)

[2.2.3. [Flex] Chỉnh sửa công thức tính số tiền ứng khả dụng 32](#_Toc57490688)

[2.2.4. [Flex] Chỉnh sửa đồng bộ số tiền có thể ứng ngày quá khứ lên FO 32](#_Toc57490689)

[2.2.5. [FO] Chỉnh sửa công thức tính số tiền ứng khả dụng trong ngày 32](#_Toc57490690)

[2.2.6. [Flex] Sửa ứng trước trong Batch 33](#_Toc57490691)

[2.2.7. [Flex] Thêm mới báo cáo lịch sự chặn vay ứng trước 33](#_Toc57490692)

[2.3. Đồng bộ Pool AF giữa FO, BO 33](#_Toc57490693)

[2.3.1. Chỉnh sửa đồng bộ Pool chỉ định, tính chất tuân thủ từ BO lên FO. 35](#_Toc57490694)

[2.3.2. Chỉnh sửa luồng kiểm tra hạch toán Pool trên HFT. 35](#_Toc57490695)

[3. TRANG KÝ 37](#_Toc57490696)

1. GIỚI THIỆU
   1. Mục đích tài liệu

Tài liệu phân tích cho việc điều chỉnh một số tính năng trên hệ thống hiện tại để đáp ứng được nội dung yêu cầu bên KBSV đề ra.

Nội dung tài liệu này được sử dụng để:

Bên FSS làm căn cứ để tiến hành chỉnh sửa hệ thống.

Bên KBSV làm căn cứ nghiệm thu phần bàn giao của FSS.

* 1. Phạm vi tài liệu

Tài liệu bao gồm:

Các chỉnh sửa đã được thống nhất sẽ thực hiện bởi FSS trước khi hệ thống được bàn giao sang bên KBSV để kiểm tra nghiệm thu và golive hệ thống.

* 1. Khái niệm, thuật ngữ, các từ viết tắt

|  |  |
| --- | --- |
| Từ viết tắt | Từ viết đầy đủ |
| KBSV | Công ty cổ phần chứng khoán KB Việt Nam |
| FSS | Công ty Giải pháp phần mềm Tài chính FSS |
| CK | Chứng khoán |
| Chương trình, hệ thống, Flex, phần mềm | Hệ thống Flex triển khai tại KBSV |
| KH | Khách hàng |
| UB | Ủy ban |
| BO | Hệ thống giao dịch Back office |
| HFT | Hệ thống xử lý giao dịch lệnh. |

* 1. Mô tả chung

Tài liệu này mô tả chi tiết nội dung điều chỉnh tính năng trên Flex, bao gồm:

Nội dung yêu cầu.

Giải pháp.

Đánh giá ảnh hưởng từ việc chỉnh sửa đến các chức năng khác trên chương trình.

1. YÊU CẦU CHỈNH SỬA
   1. Xử lý Room, Pool

**Vấn đề 1:** Luật HiKi thực hiện nhả các mã Chứng khoán đã đầy hoặc có khả năng bị đầy Room nhất. Vì vậy phát sinh trường hợp:

Khách hàng A chỉ sở hữu 1 mã CK. Hiện tại đã hết Room.

                Khách hàng A nộp tiền để mua CK. Room của mã được nhả ra.

                Ngay khi Room được nhả, Khách hàng B mua và Room bị đánh dấu và bị đầy.

                Khách hàng A khi đó không thể mua hoặc rút tiền do tài sản không thể đánh dấu được.

**Vấn đề 2:** Trường hợp rút mã CK khỏi danh mục cho vay báo cáo MR0016(-BÁO CÁO CHI TIẾT KHOANH ROOM VÀ DƯ NỢ THEO MÃ CHỨNG KHOÁN) sẽ hiển thị thiếu dư nợ gốc của khách hàng.

**Vấn đề 3:** Do luật nhả đánh dấu HiKi tối ưu trên toàn hệ thống. Việc giải thích cho KH vì sao đánh dấu trên mã này mà ko dùng mã kia rất khó. Và không có cơ sở để chứng minh (hệ thống không log)

**Vấn đề 4:** Quản lý dư nợ vay tối đa trên 1 mã Chứng khoán bằng Room dẫn đến tình trạng phải thường xuyên cập nhật Room để tối ưu nguồn vay.

VD dư nợ max SSI: 300 tỷ.

              Ngày 1: Giá vay : 10K thiết lập Room = 30 000

              Ngày 2: Giá vay : 8K cần thiết lập Room = 37 500

Mong muốn thêm phần quản lý dư nợ theo mã bằng giá trị đánh dấu theo mã

**Vấn đề 5:** Khi lưu ký chứng khoán, khối lượng chứng khoán có trong tài khoản đều được coi là đã chiếm Room. Vì vậy khi khối lượng CK của Khách hàng đang sở hữu lớn đã chiếm hết Room. Hệ thống không cho phép lưu ký chứng khoán. Nghiệp vụ buộc phải nộp chứng khoán vào tiểu khoản thường. Gây bất tiện cho khách hàng.

**Đề xuất giải pháp:**

***Nguyên tắc đánh dấu:***

Khi đánh dấu dùng nguyên tắc HiKi như hiện tại để xác định các mã sẽ đánh dấu trên tiểu khoản.

Thiết kế Room gồm:

        1 **RoomChung**: Room cho toàn bộ KH trên hệ thống nếu không được khai báo Room Riêng

       Nhiều **RoomRieng:** Room riêng cho một list các tiểu khoản cụ thể trên một số mã.  Mỗi tiểu khoản chỉ được phép thuộc 1 RoomRieng.(VD Room hiện gán cho TK1, TK2 trên mã SSI)

        1 **RoomHT**: Room toàn bộ hệ thống là tổng của RoomChung + RoomRieng

        1 **PRoomUB**: Giá trị cho vay trên mã theo  Ủy ban

        1 **PRoomTU:**Giá trị cho vay tối đa trên mã  nguồn Topup

Nguyên tắc hạch toán Room:

Tổng giá trị hạch toán trên các Room không được vượt giá trị tối đa được thiết lập.

Nếu tiểu khoản được khai báo RoomRieng trên mã cần xử lý chỉ thực hiện hạch toán trên RoomRieng. Nếu không được khai báo RoomRieng hạch toán trên RoomChung.

VD:

Nếu TK1  cần đánh dấu trên mã SSI: 10 K hệ thống sẽ đánh dấu giảm **RoomRieng**, **RoomHT** 10K

Nếu TK1  cần đánh dấu trên mã VND: 5K hệ hống sẽ đánh dấu giảm **RoomChung, RoomHT** 5K

Nếu TK3 cần đánh dấu trên mã SSI: 20 K hệ thống sẽ  đánh dấu giảm **RoomChung**, **RoomHT** 20K

Nếu TK3  cần đánh dấu trên mã VND: 30K hệ hống sẽ đánh dấu giảm **RoomChung, RoomHT** 30K

Nếu tiểu khoản tuân thủ UB quy ra giá trị hạch toán trên PRoomUB, nếu không tuân thủ UB hạch toán trên ProomTU

Theo VD trên: TK 1 là tuân thủ UB, TK3 là loại Topup

Nếu TK1  cần đánh dấu trên mã SSI: 10 K quy ra giá trị = 1 tỷ, hệ thống sẽ giảm **PRoomUB** 1 tỷ

Nếu TK1  cần đánh dấu trên mã VND: 5K  quy ra giá trị = 0.5 tỷ hệ hống sẽ giảm **PRoomUB** 0.5tỷ

Nếu TK3 cần đánh dấu trên mã SSI: 20 K quy ra giá trị = 2 tỷ, hệ thống sẽ giảm **PRoomTU**  2tỷ

Nếu TK3  cần đánh dấu trên mã VND: 30K quy ra giá trị = 3 tỷ, hệ hống sẽ giảm **PRoomTU**  3tỷ

***Nguyên tắc nhả đánh dấu:***

Xác định các mã và số lượng nhả đánh dấu theo nguyên tắc: Tính tỷ trọng giá trị đánh dấu /Tổng giá trị CK đang bị đánh dấu.

VD:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giá trị nhả** | 30,000,000 |  |  |  |  |
|  | **Giá trị đánh dấu** | **Giá** | **Tỷ trọng** | **Giá trị nhả** | **KL nhả** |
| **Mã CK** |  |  |  |  |  |
| ACB | 200,000,000 | 20,000 | 0.83 | 24,896,266 | 1,249 |
| VNM | 30,000,000 | 25,000 | 0.12 | 3,734,440 | 149 |
| SSI | 11,000,000 | 10,000 | 0.05 | 1,369,294 | 136 |

Các nguyên tắc thiết kế,  hạch toán Room tương tự như đánh dấu ở trên.

**Các chức năng/phân hệ cơ bản cần chỉnh sửa:**

* Khai báo Room
* Xử lý dữ liệu hỗ trợ việc tính toán sức mua, số rút tiền, tổng tài sản, tỷ lệ thực tế….với FO, BO
* Chỉnh sửa cách thức tính sức mua, số tiền rút, tổng tài sản, tỷ lệ thực tế…với FO, BO
* Chỉnh sửa cách thức hạch toán Room. Proom với tất cả các giao dịch phát sinh liên quan tiền, chứng khoán với FO, BO
* Chính sửa/thêm mới báo cáo: MR0016,…..
* View dự tính giải ngân
* Các báo cáo liên quan đánh dấu như mr3007, báo cáo dư nợ.

**Ảnh hưởng**

Toàn bộ các giao dịch hạch toán tiền, chứng khoán trên hệ thống.

**Vấn đề cần làm rõ/trao đổi**

1. Khi tính sức mua có cần min với Room, Proom không? Ko check đến khi làm giao dịch mới check.

2.Khi nhả room. Nếu mã đang hết room có thực hiện nhả không. Để xử lý cho vấn đề 1🡺Ko nên vì không triệt để. Và Room không tối ưu.

3.Room UB như thế nào?==> ghép vào ProomUB đúng không?

**Nội dung chỉnh sửa chi tiết như sau:**

* + 1. [Flex] Thêm mới khai báo Room

**Vị trí:** Hệ thống/Tham số hệ thống/020200:Thông tin Room

**Mục đích:** Quản lý, khai báo Room toàn hệ thống gồm Room chung và các Room riêng cho từng tiểu khoản.

**Màn hinh chính:** Hiển thị danh sách mã chứng khoán và thông tin Room gồm các thông tin:

|  |  |
| --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả |
| Mã chứng khoán | Mã chứng khoán |
| Hạn mức Room chung | Giá trị Room chung |
| Hạn mức Room riêng | Tổng giá trị các Room riêng |
| Trạng thái | Trạng thái Room:   * Hoạt động: Room đang không chỉnh sửa * Chờ duyệt: Room đang có chỉnh sửa, cần kiểm duyệt |

**Các chức năng:** Thêm mới, Xem, Sửa, Xóa, Duyệt.

Các màn mình Thêm mới, Xem, Sửa sẽ bao gồm các tab:

* TT chung: Thông tin Room chung của mã chứng khoán
* Danh sách Room riêng: Danh sách Room riêng của từng tiểu khoản.

*Lưu ý: Danh sách Room riêng chỉ được thêm hoặc sửa khi dữ liệu thêm mới ở TT chung được duyệt*

* + - 1. Thêm mới Room cho mã chứng khoán

**Mục đích:** Thêm mới thông tin Room chung và các Room riêng cho mã chứng khoán

**Tab TT chung** gồm các trường thông tin:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Điểu kiện kiểm tra** |
| **Mã chứng khoán** | Mã chứng khoán cần khai báo Room  F5 cho phép lựa chọn các mã đang có trên hệ thống | Mã chưa được khai báo. |
| **Hạn mức Room chung** | Hạn mức Room chung | Số nguyên dương lớn hơn hoặc bằng 0.  Tối đa: 999 999 999 999 |
| **Diễn giải** | Mô tả giao dịch | Tối đa 1000 ký tự |
| **Trạng thái** | Trạng thái hoạt động:  - Hoạt động: Khai báo có hiệu lực  - Chờ tuyệt: Khai báo chưa có hiệu lực  Mặc định: Chờ duyệt  Không cho sửa |  |

Sau khi tạo mới thành công màn hình chính 020200 hiển thị với Trạng thái = “Chờ duyệt”.

Nghiệp vụ thực hiện “Duyệt” Trạng thái duyệt = “Hoạt động”. Dữ liệu mới được lưu vào hệ thống.

Nghiệp vụ thực hiện “Từ chối” Trạng thái duyệt = “Hoạt động”. Dữ liệu mới không được lưu vào hệ thống.

Sau khi Danh mục mới được duyệt, nghiệp vụ mới thực hiện khai báo được trên các tab:

* Danh sách chứng khoán
  + - 1. Sửa thông tin Room cho mã chứng khoán

**Mục đích:** Sửa thông tin Room chung và các Room riêng cho mã chứng khoán

**Tab TT chung** gồm các trường thông tin:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Điểu kiện kiểm tra** |
| **Mã chứng khoán** | Mã chứng khoán cần khai báo Room  Không cho sửa |  |
| **Hạn mức Room chung** | Hiển thị thông tin đang thiết lập  Cho phép sửa | Số nguyên dương lớn hơn hoặc bằng 0.  Tối đa: 999 999 999 999 |
| **Diễn giải** | Mô tả/diễn giải giao dịch  Cho phép sửa | Tối đa 1000 ký tự |
| **Trạng thái** | Trạng thái hoạt động:  - Hoạt động: Khai báo có hiệu lực  - Chờ tuyệt: Khai báo chưa có hiệu lực  Mặc định: Chờ duyệt  Không cho sửa |  |

Sau khi sửa thành công màn hình chính 020200 hiển thị với Trạng thái = “Chờ duyệt”.

Nghiệp vụ thực hiện “Duyệt” Trạng thái duyệt = “Hoạt động”. Dữ liệu mới được lưu vào hệ thống.

Nghiệp vụ thực hiện “Từ chối” Trạng thái duyệt = “Hoạt động”. Dữ liệu sửa không được lưu vào hệ thống.

**Tab Danh sách Room riêng**

Màn hình chính hiển thị danh sách các tiểu khoản và hạn mức Room được gán gồm các trường thông tin

|  |  |
| --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả |
| Số tiểu khoản | Số tiểu khoản được khai Room riêng |
| Tên loại hình tiểu khoản | Tên loại hình tiểu khoản |
| Số lưu ký | Số lưu ký |
| Tên khách hàng | Tên khách hàng |
| Hạn mức Room riêng | Hạn mức Room riêng cho tiểu khoản |
| Diễn giải | Mô tả giao dịch |

**Các chức năng:** Thêm mới, Sửa, Xóa.

**Khi Thêm mới** màn hình hiển thị các trường thông tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả | Điểu kiện kiểm tra |
| Số tiểu khoản | F5 cho phép lựa chọn các tiểu khoản trên hệ thống | Tiểu khoản chưa được khai báo Room riêng trên mã.  Tiểu khoản ở trạng thái hoạt động |
| Tên loại hình tiểu khoản | Tự động hiển thị theo tiểu khoản  Không cho sửa |  |
| Tên khách hàng | Tên khách hàng hiển thị theo tiểu khoản  Không cho sửa |  |
| Số lưu ký | Số lưu ký hiển thị theo tiểu khoản  Không cho sửa |  |
| Hạn mức Room riêng | Hạn mức Room riêng cho tiểu khoản | Số nguyên dương lớn hơn hoặc bằng 0.  Tối đa: 999 999 999 999 |
| Diễn giải | Mô tả giao dịch | Tối đa 1000 ký tự |

Sau khi sửa thành công màn hình chính 020200 hiển thị với Trạng thái = “Chờ duyệt”.

Nghiệp vụ thực hiện “Duyệt” Trạng thái duyệt = “Hoạt động”. Dữ liệu mới được lưu vào hệ thống.

Nghiệp vụ thực hiện “Từ chối” Trạng thái duyệt = “Yêu cầu làm lại”. Dữ liệu mới được lưu vào hệ thống

**Khi Sửa** màn hình hiển thị các trường thông tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả | Điểu kiện kiểm tra |
| Số tiểu khoản | Số tiểu khoản  Không được sửa |  |
| Tên loại hình tiểu khoản | Tự động hiển thị theo tiểu khoản  Không cho sửa |  |
| Tên khách hàng | Tên khách hàng hiển thị theo tiểu khoản  Không cho sửa |  |
| Số lưu ký | Số lưu ký hiển thị theo tiểu khoản  Không cho sửa |  |
| Hạn mức Room riêng | Hạn mức Room riêng cho tiểu khoản đang thiết lập  Được phép sửa | Số nguyên dương lớn hơn hoặc bằng 0.  Tối đa: 999 999 999 999 |
| Diễn giải | Mô tả giao dịch  Cho phép sửa | Tối đa 1000 ký tự |

Sau khi sửa thành công màn hình chính 020200 hiển thị với Trạng thái = “Chờ duyệt”.

Nghiệp vụ thực hiện “Duyệt” Trạng thái duyệt = “Hoạt động”. Dữ liệu mới được lưu vào hệ thống.

Nghiệp vụ thực hiện “Từ chối” Trạng thái duyệt = “Yêu cầu làm lại”. Dữ liệu sửa được lưu vào hệ thống

**Khi chọn Xóa** tiểu khoản hệ thống hiển thị thông báo:

“Đồng ý xóa dữ liệu?”

Nếu chọn “Yes”, sau khi chấp nhận, dòng dữ liệu của tiểu khoản bị xóa.

Nếu chọn “No” hủy yêu cầu xóa. Dữ liệu giữ nguyên như cũ.

* + - 1. Xem Room mã chứng khoán

**Mục đích:** Xem thông tin Room chung và các Room riêng cho mã chứng khoán

Các màn hình hiển thị tương tự như khi sửa Room và người dùng không thể chỉnh sửa dữ liệu

* + - 1. Xóa Room mã chứng khoán

**Mục đích:** Xóa thông tin Room chung và các Room riêng cho mã chứng khoán

**Khi chọn Xóa** hệ thống hiển thị thông báo:

“Đồng ý xóa dữ liệu?”

Nếu chọn “Yes”, sau khi chấp nhận, dòng dữ liệu của mã chứng khoán bị xóa.

Nếu chọn “No” hủy yêu cầu xóa. Dữ liệu giữ nguyên như cũ.

Điều kiện xóa: Mã chứng khoán phải không còn khai báo Room riêng nào.

* + 1. [Flex] Thêm mới khai báo dư nợ theo mã (Proom)

**Vị trí:** Hệ thống/Tham số hệ thống/020201: Dư nợ theo mã

**Mục đích:** Quản lý, khai báo dư nợ tối đa từng mã .

**Màn hinh chính:** Hiển thị danh sách mã chứng khoán và thông tin dư nợ tối đa từng mã ồm các thông tin:

|  |  |
| --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả |
| Mã chứng khoán | Mã chứng khoán |
| Hạn mức nợ TU | Hạn mức dư nợ TopUp |
| Hạn mức nợ UB | Hạn mức dư nợ Ủy ban |
| Cho vay UB | Mã UB có cho vay hay không hiển thị theo trường Được margin UBCK tại màn hình 020012: Quy định CK credit line mức hệ thống.  Nếu không được khai báo tại màn hình 020012 hiển thị: Không |
| Trạng thái | Trạng thái Room:   * Hoạt động: Room đang không chỉnh sửa * Chờ duyệt: Room đang có chỉnh sửa, cần kiểm duyệt |

**Các chức năng:** Thêm mới, Xem, Sửa, Xóa, Duyệt.

Các màn mình Thêm mới, Xem, Sửa sẽ hiển thị tab TT chung: Thông tin dư nợ chung của mã chứng khoán

* + - 1. Thêm mới dư nợ theo mã

**Mục đích:** Thêm mới dư nợ tối đa cho mã chứng khoán

**Tab TT chung** gồm các trường thông tin:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả | Điểu kiện kiểm tra |
| Mã chứng khoán | Mã chứng khoán cần khai báo Room  F5 cho phép lựa chọn các mã đang có trên hệ thống | Mã chưa được khai báo. |
| Hạn mức nợ TopUp | Hạn mức nợ các tiểu khoản có loại hình TopUp trên mã chứng khoán | Số nguyên dương lớn hơn hoặc bằng 0.  Tối đa: 999 999 999 999 999 |
| Hạn mức nợ UB | Hạn mức nợ các tiểu khoản có loại hình tuân thủ UB trên mã chứng khoán | Số nguyên dương lớn hơn hoặc bằng 0.  Tối đa: 999 999 999 999 999 |
| Diễn giải | Mô tả giao dịch | Tối đa 1000 ký tự |
| Trạng thái | Trạng thái hoạt động:  - Hoạt động: Khai báo có hiệu lực  - Chờ tuyệt: Khai báo chưa có hiệu lực  Mặc định: Chờ duyệt  Không cho sửa |  |

Sau khi tạo mới thành công màn hình chính 020201 hiển thị với Trạng thái = “Chờ duyệt”.

Nghiệp vụ thực hiện “Duyệt” Trạng thái duyệt = “Hoạt động”. Dữ liệu mới được lưu vào hệ thống.

Nghiệp vụ thực hiện “Từ chối” Trạng thái duyệt = “Hoạt động”. Dữ liệu mới không được lưu vào hệ thống.

* + - 1. Sửa dư nợ theo mã

**Mục đích:** Sửa dư nợ tối đa cho mã chứng khoán

**Tab TT chung** gồm các trường thông tin:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả | Điểu kiện kiểm tra |
| Mã chứng khoán | Mã chứng khoán  Không được sửa |  |
| Hạn mức nợ TopUp | Hạn mức nợ các tiểu khoản có loại hình TopUp trên mã chứng khoán đang khai báo  Cho phép sửa | Số nguyên dương lớn hơn hoặc bằng 0.  Tối đa: 999 999 999 999 999 |
| Hạn mức nợ UB | Hạn mức nợ các tiểu khoản có loại hình tuân thủ UB trên mã chứng khoán đang khai báo  Cho phép sửa | Số nguyên dương lớn hơn hoặc bằng 0.  Tối đa: 999 999 999 999 999 |
| Diễn giải | Mô tả giao dịch  Cho phép sửa | Tối đa 1000 ký tự |
| Trạng thái | Trạng thái hoạt động:  - Hoạt động: Khai báo có hiệu lực  - Chờ tuyệt: Khai báo chưa có hiệu lực  Mặc định: Chờ duyệt  Không cho sửa |  |

Sau khi sửa thành công màn hình chính 020201 hiển thị với Trạng thái = “Chờ duyệt”.

Nghiệp vụ thực hiện “Duyệt” Trạng thái duyệt = “Hoạt động”. Dữ liệu mới được lưu vào hệ thống.

Nghiệp vụ thực hiện “Từ chối” Trạng thái duyệt = “Hoạt động”. Dữ liệu mới không được lưu vào hệ thống.

* + 1. [Flex] Tổng hợp Roon, Proom hỗ trợ xử lý

Theo quyết định 87 của UBCK:

* Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
* Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết

Việc kiểm tra khối lượng giao dịch của mã có bị vượt quá dư nợ tối đa tại 020021 và 2 điều kiện trên của UB sẽ gây tốn thời gian nếu kiểm tra từng điều kiện. Vì vậy hệ thống tổng hợp các điều kiện trên trong Batch cuối ngày theo nguyên tắc:

* Đổi hạn mức nợ TopUp của mã ra khối lượng bằng

Hạn mức nợ TopUp (chia) Giá vay (chia) tỷ lệ vay

* Đổi hạn mức nợ UB của mã ra khối lượng bằng

Min (

Hạn mức nợ UB (chia) Giá vay (chia) tỷ lệ vay,

5% (nhân) Khối lượng niêm yết,

Vốn chủ sở hữu (chia) 10% (chia) giá vay (chia) tỷ lệ vay

)

Và lần lượt gọi đây là Proom TopUp, Proom UB. Các dữ liệu tổng hợp này cũng được đồng bộ lên FO.

Trong ngày nếu có sự thay đổi các khai báo tại màn hình 020201 hệ thống cũng thực hiện tổng hợp như trong Batch đồng thời đồng bộ các thông tin lên hệ thống FO.

*(\*\*) Giá vay trong Batch thường bằng giá tham chiếu dự tính giao dịch cho ngày tiếp theo. Vì vậy cần đảm bảo giá tham chiếu đã được tính toán và cập nhật theo giá giao dịch của ngày hiện tại. Việc giá tham chiếu không được cập nhật đúng dẫn đến rủi do giá trị Proom quy đổi trên bị tính theo giá tham chiếu của ngày hiện tại. Khi nhận giá tham chiếu chính thức của ngày giao dịch hệ thống sẽ không tự động tổng hợp lại.*

* + 1. [Flex, FO] Xử lý kiểm tra và đánh dấu Room, Proom

**Đánh dấu**

Giao dịch khi phát sinh cần đánh dấu, sử dụng luật HiKi để xác định các mã cần đánh dấu. Với mỗi mã kiểm tra Room gồm các điều kiện như sau:

* Kiểm tra Room theo 020200:
  + - * Nếu tiểu khoản có Room riêng, khối lượng đánh dấu (nhỏ hơn hoặc bằng) Room riêng đã khai báo 020200 (trừ) Room đã đánh dấu trên tiểu khoản.
      * Nếu tiểu khoản **không** có Room riêng, khối lượng đánh dấu (nhỏ hơn hoặc bằng) Room chung đã khai báo 020200 (trừ) Room đã đánh dấu trên toàn hệ thống.
      * Nếu mã không được khai báo. Báo lỗi và không cho thực hiện giao dịch.
* Kiểm tra hạn mức nợ theo 020201:
  + - * Nếu tiểu khoản tuân thủ UB, khối lượng đánh dấu (nhỏ hơn hoặc bằng) Proom UB (trừ) Proom UB đã đánh dấu trên toàn hệ thống
      * Nếu tiểu khoản **không** tuân thủ UB, khối lượng đánh dấu (nhỏ hơn hoặc bằng) Proom TopUp (trừ) Proom TopUp đã đánh dấu trên toàn hệ thống
      * Nếu mã không được khai báo. Báo lỗi và không cho thực hiện giao dịch.

Ví dụ:

**RoomChung**:

|  |  |
| --- | --- |
| Mã chứng khoán | Hạn mức Room |
| SSI | 100 K |
| VND | 200K |

**RoomRieng:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã chứng khoán | Hạn mức Room | Tiểu khoản |
| SSI | 70 K | 0001111111 (Tuân thủ UB) |
| SSI | 250 K | 0001222222 (Không tuân thủ UB) |

**Proom**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã chứng khoán | Proom UB | Proom TopUp |
| SSI | 170 K | 300 K |
| VNM | 420 K | 10 K |

Nếu 0001111111 cần đánh dấu trên mã SSI: 10K, hệ thống sẽ đánh dấu giảm **RoomRieng, PRoomUB** 10K

Nếu 0001222222 cần đánh dấu trên mã VND: 5K, hệ thống sẽ đánh dấu giảm **RoomChung, Proom TopUp** 5K

Tiếp theo nếu 0001222222 cần đánh dấu trên mã VND: 200K, hệ thống sẽ báo lỗi và không cho thực hiện giao dịch vì không đủ **RoomChung** (**RoomChung** còn lại : 200 -5 = 195K)

Nếu 0001333333 (tuân thủ UB) cần đánh dấu trên mã SSI: 20K hệ thống sẽ  đánh dấu giảm **RoomChung, PRoomUB** 20K

Nếu 0001333333 (tuân thủ UB) cần đánh dấu trên mã VND: 30K hệ hống sẽ đánh dấu giảm **RoomChung, PRoomUB** 30K

Nếu 0001222222 cần đánh dầu VNM 15K. Hệ thồng sẽ báo lỗi và không cho thực hiện giao dịch vì không đủ **Proom TopUp**

**Nhả đánh dấu**

Giao dịch khi phát sinh cần nhả đánh dấu, xác định các mã và số lượng nhả đánh dấu theo nguyên tắc:

**Bước 1:** Nếu là giao dịch làm giảm chứng khoán (bán/rút/chuyển khoản chứng khoán). Kiểm tra:

Khối lượng giao dịch (lớn hơn hoặc bằng)

Khối lượng khả dụng (trừ)

Phần đã đánh dấu.

Nhả đánh dấu trên mã đang làm giao dịch với khối lượng là

Khối lượng khả dụng (trừ)

Phần đã đánh dấu

**Bước 2:** Giá trị còn lại cần nhả đánh dấu tính tỷ trọng giá trị nhả đánh dấu /Tổng giá trị CK đang bị đánh dấu.

Ví Dụ:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giá trị nhả** | 30,000,000 |  |  |  |  |
| **Mã CK** | **GT đánh dấu**  **(KL đánh dấu \* giá vay)**  **(A)** | **Giá vay**  **(B)** | **Tỷ trọng**  **(GT đánh dấu/Tổng GD đánh dâu)**  **(C)** | **Giá trị nhả**  **(D)=C\*Giá trị nhả** | **KL nhả**  **(E)=(D)/(B)** |
| ACB | 200,000,000 | 20,000 | 0.83 | 24,896,266 | 1,249 |
| VNM | 30,000,000 | 25,000 | 0.12 | 3,734,440 | 149 |
| SSI | 11,000,000 | 10,000 | 0.05 | 1,369,294 | 136 |

**Ảnh hưởng**

Toàn bộ các giao dịch hạch toán tiền, chứng khoán trên hệ thống:

* Đặt/hủy/sửa lệnh
* 0088 Yêu cầu đóng Tiểu khoản
* 1101 Chuyển khoản tiền ra ngân hàng
* 1105 Thu phí
* 1111 Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (Tele)
* 1113 Cắt tiền dịch vụ/SMS cảnh báo
* 1114 Từ chối chuyển khoản tiền ra ngân hàng
* 1120 Chuyển khoản nội bộ
* 1130 Chuyển khoản nội bộ (Tele)
* 1131 Nộp tiền mặt
* 1132 Rút tiền mặt
* 1133 Chuyển khoản tiền ra bên ngoài (với CMND)
* 1137 Hoàn thuế cho khách hàng
* 1138 Giảm trừ phí cho khách hàng
* 1141 Nhận chuyển khoản từ ngân hàng
* 1144 Phong tỏa tiền
* 1145 Giải tỏa tiền
* 1153 Ứng trước tiền bán
* 1168 Phong tỏa tiền cầm cố
* 1169 Giải tỏa tiền cầm cố
* 1180 Thu phí lưu ký chứng khoán trong ngày
* 1182 Phí lưu ký tháng
* 1184 Rút tiền mặt trên Sức mua thặng dư
* 1185 Chuyển tiền ra ngân hàng trên sức mua thặng dư
* 1188 Chuyển khoản tiền nội bộ trên Sức mua thặng dư
* 1189 Revert 1132 do KH không rút tiền
* 1198 Điều chỉnh tăng số dư TK
* 1199 Điều chỉnh giảm số dư TK
* 1201 Chuyển khoản tiền giữa 2 tài khoản lưu ký
* 1202 Từ chối chuyển tiền giữa 2 tài khoản lưu ký
* 1204 Hoàn tất chuyển tiền giữa 2 tài khoản lưu ký
* 3350 Thực hiện phân bổ tiền cổ tức vào TK - thuế tại Cty CK
* 3384 Đăng ký mua CP phát hành thêm
* 3386 Huỷ đăng ký mua CP phát hành thêm
* 3394 Đăng ký mua CP phát hành thêm Online
* 5540 Thu hồi khoản giải ngân bắt buộc
* 5569 Thanh lý tái ký khoản vay
* 8848 Sinh lệnh sửa lỗi
* 8849 Hoàn tất sửa lỗi giao dịch
* 8894 Thanh toán tiền lô lẻ
* 9100 Nop tien giao dich
* 2200 Rút lưu ký chứng khoán
* 2202 Phong tỏa chứng khoán
* 2203 Giải tỏa chứng khoán
* 2232 Yêu cầu cầm cố chứng khoán
* 2242 Chuyển khoản chứng khoán nội bộ
* 2244 Chuyển khoản chứng khoán và quyền ra ngoài
* 2245 Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
* 2246 Hoàn tất lưu ký chứng khoán
* 2247 Chuyển khoản chứng khoán và quyền đóng tài khoản
* 2253 Xác nhận giải tỏa cầm cố chứng khoán
* 2254 Từ chối chuyển khoản chứng khoán ra ngoài
* 2263 Chuyển chứng khoán chờ giao dịch thành giao dịch
* 2290 Hủy hồ sơ chuyển khoản chứng khoán đóng tiểu khoản
* 2293 Hủy hồ sơ xin rút lưu ký chứng khoán
* 3341 Thực hiện quyền phân bổ chứng khoán vào tài khoản
* 3351 Thực hiện phân bổ CK quyền
* 3355 Chuyển chứng khoán thực hiện quyền thành giao dịch - từng tiểu khoản
* 3356 Chuyển chứng khoán thực hiện quyền thành giao dịch - cả sự kiện
* 8817 Huỷ đăng ký lô lẻ
* 8848 Sinh lệnh sửa lỗi
* 8878 Đăng ký bán chứng khoán lô lẻ
* 8879 Thanh toán chứng khoán lô lẻ
  + 1. [FO] Sửa đồng bộ Room FO xuống Flex

Trong ngày, khi giao dịch phát sinh hệ thống FO thực hiện đánh dấu, nhả đánh dấu và đồng bộ xuồng Flex. Vì vậy cần xử lý đồng bộ dữ liệu đánh dấu từ FO xuống Flex đảm bảo cách thức xử lý của Flex.

* + 1. [Flex] Sửa đánh dấu trong Batch

Hàng ngày trong Batch thực hiện sóc lại toàn bộ Room. Vì vậy cần chỉnh sửa nguyên tắc sóc room theo mô tả mục 2.1.4.

* + 1. [Flex, FO] Sửa công thức tính sức mua, số lượng chứng khoán được rút/chuyển

Để tính sức mua, số lượng chứng khoán được rút/chuyển, cần tính giá trị tài sản từng mã trên danh mục tài sản còn có thể vay như sau:

*Nếu tiểu khoản tuân thủ UB có Room riêng:*

Min (

KL tự do + KL mua– KL bán khớp + KL mua chờ về,

**Hạn mức Room riêng (trừ) Room riêng đã dùng của tiểu khoản,**

**Hạn mức nợ Proom UB (trừ) Proom UB đã dùng**

)

(nhân) Giá vay (nhân) Tỷ lệ vay

*Nếu tiểu khoản tuân thủ UB không Room riêng:*

Min (

KL tự do + KL mua– KL bán khớp + KL mua chờ về,

**Hạn mức Room chung (trừ) Room chung đã dùng của tiểu khoản,**

**Hạn mức nợ Proom UB (trừ) Proom UB đã dùng**

)

(nhân) Giá vay (nhân) Tỷ lệ vay

*Nếu tiểu khoản* ***không*** *tuân thủ UB có Room riêng:*

Min (

KL tự do + KL mua– KL bán khớp + KL mua chờ về,

**Hạn mức Room riêng (trừ) Room riêng đã dùng của tiểu khoản,**

**Hạn mức nợ Proom TopUp (trư) Proom TopUp đã dùng**

)

(nhân) Giá vay (nhân) Tỷ lệ vay

*Nếu tiểu khoản* ***không*** *tuân thủ UB không Room riêng:*

Min (

KL tự do + KL mua– KL bán khớp + KL mua chờ về,

**Hạn mức Room chung (trừ) Room chung đã dùng của tiểu khoản,**

**Hạn mức nợ Proom TopUp (trừ) Proom TopUp đã dùng**

)

(nhân) Giá vay (nhân) Tỷ lệ vay

* + 1. [Flex] Thêm mới view kiểm soát Room

**Vị trí:** Công ty/Kiểm soát nguồn/230201: Kiểm soát Room

**Mục đích:** Tra cứu Room đã dùng từng mã chứng khoán.

Các trường thông tin hiển thị:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả | Cho phép tìm kiếm |
| Mã chứng khoán | Mã chứng khoán | Y |
| HM Room chung | Hạn mức Room chung | N |
| Room chung đã dùng | Room chung đã dùng: Tổng room chung đã bị đánh dấu trên hệ thống | N |
| Room chung còn lại | Room chung còn lại:  Hạn mức Room chung (trừ) Room chung đã dùng | N |
| HM Room riêng | Hạn mức Room riêng | N |
| Room riêng đã dùng | Room riêng đã dùng: Tổng room riêng đã bị đánh dấu trên hệ thống | N |
| Room riêng còn lại | Room riêng còn lại:  Hạn mức Room riêng (trừ) Room chung đã dùng | N |
| Room tổng | Room tổng : HM Room chung (cộng) HM Room riêng | N |
| Room tổng đã dùng | Room tổng đã dùng: Room chung đã dùng (cộng) Room riêng đã dùng | N |
| Room tổng còn lại | Room tổng còn lại: Room chung còn lại (cộng) Room riêng còn lại. | N |

*(\*\*)Chỉ cho phép tìm kiếm 1 mã chứng khoán. Không cho phép tìm kiếm ALL*

* + 1. [Flex] Thêm mới view kiểm soát Room riêng

**Vị trí:** Công ty/Kiểm soát nguồn/230202: Kiểm soát Room riêng

**Mục đích:** Tra cứu Room riêng đã dùng từng mã chứng khoán.

Các trường thông tin hiển thị:

|  |  |
| --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả |
| Mã chứng khoán | Mã chứng khoán |
| Số tiểu khoản | Số tiểu khoản |
| Số lưu ký | Số lưu ký |
| Tên khách hàng | Tên khách hàng |
| HM Room riêng | Hạn mức Room riêng |
| Room riêng đã dùng | Room riêng đã dùng: Tổng room riêng đã bị đánh dấu trên tiểu khoản |
| Room riêng còn lại | Room riêng còn lại:  Hạn mức Room riêng (trừ) Room chung đã dùng |

*(\*\*)Chỉ cho phép tìm kiếm 1 mã chứng khoán. Không cho phép tìm kiếm ALL*

* + 1. [Flex] Thêm mới view kiểm soát Proom

**Vị trí:** Công ty/Kiểm soát nguồn/230203: Kiểm soát Proom

**Mục đích:** Tra cứu Proom đã dùng từng mã chứng khoán.

Các trường thông tin hiển thị:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả | Cho phép tìm kiếm |
| Mã chứng khoán | Mã chứng khoán | Y |
| Giá vay | Giá vay tại ngày truy vấn | N |
| Hạn mức nợ TU | Tổng dư nợ TopUp tối đa | N |
| Proom TU | Khối lượng quy đổi Topup tối đa | N |
| Proom TU đã dùng | Khối lượng đã bị đánh dấu | N |
| Proom TU còn lại | Proom TU (trừ) Proom TU đã dùng | N |
| Hạn mức dư nợ TU còn lại | Proom TU (nhân) Giá vay | N |
| Hạn mức nợ UB | Tổng dư nợ UB tối đa | N |
| Proom UB | Khối lượng quy đổi UB tối đa | N |
| Proom UB đã dùng | Khối lượng đã bị đánh dấu | N |
| Proom UB còn lại | Proom UB (trừ) Proom UB đã dùng | N |
| Hạn mức dư nợ UB còn lại | Proom UB (nhân) Giá vay | N |
|  |  |  |

*(\*\*)Chỉ cho phép tìm kiếm 1 mã chứng khoán. Không cho phép tìm kiếm ALL*

* + 1. [Flex] Thêm mới báo cáo kiểm soát Room

**Vị trí:** Công ty/Kiểm soát nguồn/230005: Báo cáo/ PR0005: Báo cáo kiểm soát Room

**Mục đích:** Tổng hợp thông tin Room chung và riêng còn lại toàn hệ thống.

* + 1. [Flex] Thêm mới báo cáo kiểm soát Proom

**Vị trí:** Công ty/Kiểm soát nguồn/230005: Báo cáo/ PR0006: Báo cáo kiểm soát Proom

**Mục đích:** Tổng hợp thông tin Proom UB và TU còn lại toàn hệ thống.

* + 1. [Flex] Thêm mới báo cáo khoanh nợ trên tiểu khoản

**Vị trí:**

**Mục đích:** Tổng hợp thông tin khoanh nợ trên tiểu khoản

* + 1. [Flex] Sửa view MR9000, MR9000\_1 Dự kiến phát vay

Để dự tính số tiền giải ngân, cần tính giá trị tài sản từng mã trên danh mục ra giá trị có thể vay như sau:

*Nếu tiểu khoản tuân thủ UB có Room riêng:*

Min (

KL tự do + KL mua– KL bán khớp + KL mua chờ về,

**Hạn mức Room riêng (trừ) Room riêng đã dùng của tiểu khoản,**

**Hạn mức nợ Proom UB (trừ) Proom UB đã dùng**

)

(nhân) Giá vay (nhân) Tỷ lệ vay

*Nếu tiểu khoản tuân thủ UB không Room riêng:*

Min (

KL tự do + KL mua– KL bán khớp + KL mua chờ về,

**Hạn mức Room chung (trừ) Room chung đã dùng của tiểu khoản,**

**Hạn mức nợ Proom UB (trừ) Proom UB đã dùng**

)

(nhân) Giá vay (nhân) Tỷ lệ vay

*Nếu tiểu khoản* ***không*** *tuân thủ UB có Room riêng:*

Min (

KL tự do + KL mua– KL bán khớp + KL mua chờ về,

**Hạn mức Room riêng (trừ) Room riêng đã dùng của tiểu khoản,**

**Hạn mức nợ Proom TopUp (trư) Proom TopUp đã dùng**

)

(nhân) Giá vay (nhân) Tỷ lệ vay

*Nếu tiểu khoản* ***không*** *tuân thủ UB không Room riêng:*

Min (

KL tự do + KL mua– KL bán khớp + KL mua chờ về,

**Hạn mức Room chung (trừ) Room chung đã dùng của tiểu khoản,**

**Hạn mức nợ Proom TopUp (trừ) Proom TopUp đã dùng**

)

(nhân) Giá vay (nhân) Tỷ lệ vay

* + 1. [Flex] Thêm mới import Thông tin Room

Quy trình:

Bước 1: 020017 – Đồng bộ dữ liệu từ File

Bước 2: 020018 – Duyệt đồng bộ dữ liệu từ File

020017 – Đồng bộ dữ liệu từ File

Mã file: I026 – Import thông tin Room

Mục đích: Import thông tin Room chung, Room riêng của từng mã chứng khoán

File Import gồm các trường thông tin:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả | Điểu kiện kiểm tra |
| SYMBOL | Mã chứng khoán | Mã chứng khoán phải tồn tại trên hệ thống  Không được để trống |
| ROOMLIMIT | Hạn mức room chung | Không được để trống.  Số nguyên dương lớn hơn hoặc bằng 0.  Tối đa: 999 999 999 999  Hạn mức Room chung phải lớn hơn hoặc bằng Room chung đã dùng |
| TYPE | Loại khai báo:  Type =C: Dòng khai báo Room chung  Type =P: Dong khai báo cho Room riêng | Chỉ được điền giá thị C hoặc P. Không được để trống |
| AFACCTNO | Số tiểu khoản | Nếu Type = P:   * Số tiểu khoản phải ở trạng thái hoạt động. * Số tiểu khoản và mã chứng khoán là duy nhất trong file * Không được để trống.   Nếu Typec =C   * Được để trống |
| ROOMLIMITAF | Hạn mức room chung | Nếu Type = P.   * Dữ liệu phải là số nguyên dương lớn hơn hoặc bằng 0. * Tối đa: 999 999 999 999 * Hạn mức Room riêng phải lớn hơn hoặc bằng Room riêng đã dùng. * Không được để trống   Nếu Typec =C   * Được để trống |
| NOTE | Diễn giải giao dịch | Tối đa 1000 ký tự |

Xử lý khi ghi dữ liệu thành công:

* Có log lại mã user thực hiện import (tlid), ngày giờ import.
* Thông tin dữ liệu import được ghi nhận vào bảng tạm.
* Kiểm tra tính hợp lệ của từng dòng dữ liệu.
  + Với các dòng thông tin hợp lệ, trạng thái ghi dữ liệu là Thành công 🡪 Cần thực hiện bước duyệt tại màn hình 020018 để hoàn tất quá trình import.
  + Với các dòng thông tin không hợp lệ, trạng thái dữ liệu là Xóa, và hiển thị thông tin mã lỗi tại màn hình Ghi dữ liệu như luồng thông thường.

(\*\*) Nếu thực hiện Ghi dữ liệu nhưng chưa thực hiện Duyệt tại 020018 thì lần thực hiện Đọc và Ghi dữ liệu lần sau sẽ đè lên dữ liệu import lần trước (như cơ chế import hiện tại, bảng tạm đọc dữ liệu sẽ được xóa khi thực hiện lần import tiếp theo)

020018 – Duyệt đồng bộ dữ liệu từ File:

Chọn file I026 để thực hiện duyệt: thao tác Đọc 🡪 Duyệt

Duyệt thành công hệ thống thực hiện:

* Ghi nhận thông tin dữ liệu import từ bảng tạm vào bảng dữ liệu Room hệ thống. Thông tin được hiển thị trên màn hình 020200: Thông tin Room. Các thông tin khác cần hiển thị
* Cơ chế ghi thông tin là Ghi Đè, được hiểu là thông tin Room chung, room riêng của tất cả các mã trên hệ thống sẽ bị xóa. Các khai báo Room chung, room riêng hợp lệ từ file excel sẽ được thêm mới vào Thông tin Room.
  + 1. [Flex] Thêm mới import thông tin dư nợ theo mã

Quy trình:

Bước 1: 020017 – Đồng bộ dữ liệu từ File

Bước 2: 020018 – Duyệt đồng bộ dữ liệu từ File

020017 – Đồng bộ dữ liệu từ File

Mã file: I027 – Import thông tin dư nợ theo mã

Mục đích: Import thông tin Proom của từng mã chứng khoán

File Import gồm các trường thông tin:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả | Điểu kiện kiểm tra |
| SYMBOL | Mã chứng khoán | Mã chứng khoán phải tồn tại trên hệ thống  Không được để trống |
| PROOMLIMITTOPUP | Hạn mức nợ TopUp | Số nguyên dương lớn hơn hoặc bằng 0.  Tối đa: 999 999 999 999 999  Hạn mức nợ Topup phải lớn hơn hoặc bằng nợ Topup đã dùng  Không được để trống. |
| PROOMLIMITTOPMR | Hạn mức nợ UB | Số nguyên dương lớn hơn hoặc bằng 0.  Tối đa: 999 999 999 999 999  Hạn mức nợ UB phải lớn hơn hoặc bằng nợ UB đã dùng  Không được để trống |
| NOTE | Diễn giải | Tôi đa 1000 ký tự |

Xử lý khi ghi dữ liệu thành công:

* Có log lại mã user thực hiện import (tlid), ngày giờ import.
* Thông tin dữ liệu import được ghi nhận vào bảng tạm.
* Kiểm tra tính hợp lệ của từng dòng dữ liệu.
  + Với các dòng thông tin hợp lệ, trạng thái ghi dữ liệu là Thành công 🡪 Cần thực hiện bước duyệt tại màn hình 020018 để hoàn tất quá trình import.
  + Với các dòng thông tin không hợp lệ, trạng thái dữ liệu là Xóa, và hiển thị thông tin mã lỗi tại màn hình Ghi dữ liệu như luồng thông thường.

(\*\*) Nếu thực hiện Ghi dữ liệu nhưng chưa thực hiện Duyệt tại 020018 thì lần thực hiện Đọc và Ghi dữ liệu lần sau sẽ đè lên dữ liệu import lần trước (như cơ chế import hiện tại, bảng tạm đọc dữ liệu sẽ được xóa khi thực hiện lần import tiếp theo)

020018 – Duyệt đồng bộ dữ liệu từ File:

Chọn file I026 để thực hiện duyệt: thao tác Đọc 🡪 Duyệt

Duyệt thành công hệ thống thực hiện:

* Ghi nhận thông tin dữ liệu import từ bảng tạm vào bảng dữ liệu dự nợ theo mã của hệ thống. Thông tin được hiển thị trên màn hình 020201: Dư nợ theo mã.
* Cơ chế ghi thông tin là Ghi Đè, được hiểu là thông tin dư nợ theo mã của tất cả các mã trên hệ thống sẽ bị xóa. Các khai báo hợp lệ từ file excel sẽ được thêm mới vào 020201: Dư nợ theo mã.
  + 1. [Flex] Chuyển đổi dữ liệu golive.

Do cách thức hạch toán Room, Proom, Pool thay đổi. Cần chuyển đổi dữ liệu để phù hợp tại ngày golive các chỉnh sửa.

* 1. Khai báo Rổ cho vay

**Vấn đề 1**:  Khi có 1 số tiểu khoản đặc biệt đang được gán vào Rổ vay TopUp50 (vay tỷ lệ 50%). Nhưng do có chính sách riêng các tiểu khoản này được vay với tỷ lệ đặc biệt là 40% trên một số mã của Rổ. Nghiệp vụ cần thực hiện nhiều bước, thao tác như: Tạo loại KH mới (Aftype, lntype…), Tạo Rổ mới base từ Rổ  TopUp50, Gán KH vào loại KH mới tạo….  🡺Mất nhiều thời gian, khó quản lý.

**Giải pháp đề xuất:**

Cho phép khai báo Rổ TopUp50 và gán thông tin như hiện tại. Với các tiểu khoản có chính sách đặc biệt được khai báo thêm trên Rổ một số thông tin:

Tiểu khoản

Mã chứng khoán

Tỷ lệ vay

Giá vay..

Khi đó với các tiểu khoản có khai báo việc tính sức mua, tài sản theo khai báo này. Nếu không thực hiện như hiện tại.

**Các chức năng/phân hệ cơ bản cần chỉnh sửa:**

* Chỉnh sửa khai báo Rổ
* Xử lý dữ liệu hỗ trợ việc tính toán sức mua, số rút tiền, tổng tài sản, tỷ lệ thực tế….với FO, BO
* Chỉnh sửa cách thức tính sức mua, số tiền rút, tổng tài sản, tỷ lệ thực tế…với FO, BO
* Chính sửa/thêm mới Import Rổ

**Ảnh hưởng**

Tính sức mua, số tiền rút, tài sản, tỷ lệ thực tế.

**Lưu ý cho kỹ thuật (FSS)**

Thay afserisk bằng semast.

Cần xử lý khi thêm mới mã vào danh mục tài sản của KH

Xử lý khi thêm mới/điều chỉnh mã trong Rổ.

**Vấn đề 2:**VD hiện tại Rổ vay VNM:  RateSM = 50%, GiaSM =100 (gọi đây là thông tin SM),  RateTS =50%, GiaTS=100 (gọi đây là thông tin TS)

Cần thay đổi thành:  RateSM = 40%, GiaSM =120, RateTS =40%, GiaTS=120

Nghiệp vụ đang thực hiện qua các bước:

Bước 1: Imp Rổ: VNM: RateSM = 40%, GiaSM =120, RateTS =50%, GiaTS=100 (==> Mục đích thay đổi tính SM, TS vẫn được giữ nguyên )

Bước 2: Sau 5 ngày làm việc Imp Rổ VNM: RateSM = 40%, GiaSM =120, RateTS =40%, GiaTS=120 (==> Sau 5 ngày KH có thời gian xử lý tài sản mới chuyển sang Tỷ lệ TS mới)

Đồng thời việc impRổ thực hiện theo nguyên tắc Giữ nguyên các mã hiện tại và cập nhật thông tin các mã theo file Import.

🡺Tốn thời gian khi phải thực hiện 2 lần. Việc import Rổ phải rà soát nhiều, khó quản lý

**Giải pháp đề xuất:**

Khi import Rổ: Nếu các mã trên file import đã tồn tại trong Rổ, thực hiện sửa thông tin SM theo file import. Lưu thông tin TS mới. Các mã khác thuộc Rổ không có trong file thực hiện xóa khỏi Rổ. Các mã có trong File không có trong Rổ thực hiện thêm vào Rổ.

Thêm thông tin: Ngày hiệu lực tỷ lệ Tài sản. (Tại ngày này hệ thống tự động sửa thông tin TS  trên Rổ theo thông tin đã lưu)

**Các chức năng/phân hệ cơ bản cần chỉnh sửa:**

Chỉnh sửa chức năng import Rổ

**Ảnh hưởng**

Rổ vay

**Nội dung chỉnh sửa chi tiết như sau:**

* + 1. [Flex] Sửa màn hình 020011: Quy định rổ chứng khoán

**Mục đích sửa:** Cho phép khai báo các tiểu khoản vào từng rổ với thông tin vay riêng

**Sửa chức năng :** Hệ thống/Tham số hệ thống/020011: Quy định rổ chứng khoán thêm Tab: Danh sách tiểu khoản

Màn hình chính của tab gồm các thông tin:

|  |  |
| --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả |
| Số tiểu khoản | Số tiểu khoản được khai Room riêng |
| Tên loại hình tiểu khoàn | Tên loại hình tiểu khoản |
| Số lưu ký | Số lưu ký |
| Tên khách hàng | Tên khách hàng |
| Mã chứng khoán | Mã chứng khoán |
| (%)Tỉ lệ tính tài sản | Tỉ lệ tính tài sản |
| (%)Tỉ lệ cho vay | Tỉ lệ cho vay |
| Giá tính tài sản | Giá tính tài sản |
| Giá cho vay | Giá cho vay |
| Diễn giải | Mô tả giao dịch |

**Các chức năng:** Thêm mới, Sửa, Xóa.

**Khi Thêm mới** màn hình hiển thị các trường thông tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả | Điều kiện kiểm tra |
| Số tiểu khoản | Số tiểu khoản được  F5 tìm kiếm trong danh sách tiểu khoản | Tiểu khoản tồn tại trên hệ thống  Tiểu khoản ở trạng thái hoạt động |
| Tên loại hình tiểu khoàn | Tên loại hình tiểu khoản tự động theo số tiểu khoản  Không cho sửa |  |
| Số lưu ký | Số lưu ký tự động theo số tiểu khoản  Không cho sửa |  |
| Tên khách hàng | Tên khách hàng tự động theo số tiểu khoản  Không cho sửa |  |
| Mã chứng khoán | Mã chứng khoán  F5 cho phép tìm kiếm trong danh sách mã CK | Mã chứng khoán phải tồn tại trong hệ thống.  Mã chứng khoán và tiểu khoản là duy nhất trong rổ. |
| (%)Tỉ lệ tính tài sản | Tỉ lệ tính tài sản | Số nguyên dương lớn hơn 0 |
| (%)Tỉ lệ cho vay | Tỉ lệ cho vay | Số nguyên dương lớn hơn 0 |
| Giá tính tài sản | Giá tính tài sản | Số nguyên dương lớn hơn 0 |
| Giá cho vay | Giá cho vay | Số nguyên dương lớn hơn 0 |
| Diễn giải | Mô tả giao dịch |  |

Sau khi sửa thành công, rổ tại màn hình chính 020011 hiển thị với Trạng thái = “Chờ duyệt”.

Nghiệp vụ thực hiện “Duyệt” Trạng thái duyệt = “Hoạt động”. Dữ liệu mới được lưu vào hệ thống.

Nghiệp vụ thực hiện “Từ chối” Trạng thái duyệt = “Yêu cầu làm lại”. Dữ liệu mới được lưu vào hệ thống

**Khi Sửa** màn hình hiển thị các trường thông tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả | Điều kiện kiểm tra |
| Số tiểu khoản | Số tiểu khoản được khai báo  Không cho sửa |  |
| Tên loại hình tiểu khoàn | Tên loại hình tiểu khoản tự động theo số tiểu khoản  Không cho sửa |  |
| Số lưu ký | Số lưu ký tự động theo số tiểu khoản  Không cho sửa |  |
| Tên khách hàng | Tên khách hàng tự động theo số tiểu khoản  Không cho sửa |  |
| Mã chứng khoán | Mã chứng khoán  Không cho phép sửa |  |
| (%)Tỉ lệ tính tài sản | Tỉ lệ tính tài sản | Số nguyên dương lớn hơn 0 |
| (%)Tỉ lệ cho vay | Tỉ lệ cho vay | Số nguyên dương lớn hơn 0 |
| Giá tính tài sản | Giá tính tài sản | Số nguyên dương lớn hơn 0 |
| Giá cho vay | Giá cho vay | Số nguyên dương lớn hơn 0 |
| Diễn giải | Mô tả giao dịch |  |

Sau khi sửa thành công, rổ tại màn hình chính 020011 hiển thị với Trạng thái = “Chờ duyệt”.

Nghiệp vụ thực hiện “Duyệt” Trạng thái duyệt = “Hoạt động”. Dữ liệu mới được lưu vào hệ thống.

Nghiệp vụ thực hiện “Từ chối” Trạng thái duyệt = “Yêu cầu làm lại”. Dữ liệu sửa được lưu vào hệ thống

**Khi chọn Xóa** tiểu khoản hệ thống hiển thị thông báo:

“Đồng ý xóa dữ liệu?”

Nếu chọn “Yes”, sau khi chấp nhận, dòng dữ liệu của tiểu khoản bị xóa.

Nếu chọn “No” hủy yêu cầu xóa. Dữ liệu giữ nguyên như cũ.

* + 1. [Flex, FO] Sửa cách tổng hợp dữ liệu, tính toán số liệu

Do được khai thêm tiểu khoản và thông tin vay các mã vào rổ, cần sửa lại cách tổng hợp để việc tính toán sức mua, Rtt, số tiền rút, số chứng khoán chuyển nhanh chóng. Từ đó sửa các công thức sức mua, Rtt, số tiền rút, số chứng khoán rút/chuyển theo dữ liệu tổng hợp. Đồng thời đồng bộ dữ liệu lên FO và sửa cách tính tại FO.

**Ảnh hưởng**

Toàn bộ các giao dịch hạch toán tiền, chứng khoán trên hệ thống:

* Đặt/hủy/sửa lệnh
* 0088 Yêu cầu đóng Tiểu khoản
* 1101 Chuyển khoản tiền ra ngân hàng
* 1105 Thu phí
* 1111 Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (Tele)
* 1113 Cắt tiền dịch vụ/SMS cảnh báo
* 1114 Từ chối chuyển khoản tiền ra ngân hàng
* 1120 Chuyển khoản nội bộ
* 1130 Chuyển khoản nội bộ (Tele)
* 1131 Nộp tiền mặt
* 1132 Rút tiền mặt
* 1133 Chuyển khoản tiền ra bên ngoài (với CMND)
* 1137 Hoàn thuế cho khách hàng
* 1138 Giảm trừ phí cho khách hàng
* 1141 Nhận chuyển khoản từ ngân hàng
* 1144 Phong tỏa tiền
* 1145 Giải tỏa tiền
* 1153 Ứng trước tiền bán
* 1168 Phong tỏa tiền cầm cố
* 1169 Giải tỏa tiền cầm cố
* 1180 Thu phí lưu ký chứng khoán trong ngày
* 1182 Phí lưu ký tháng
* 1184 Rút tiền mặt trên Sức mua thặng dư
* 1185 Chuyển tiền ra ngân hàng trên sức mua thặng dư
* 1188 Chuyển khoản tiền nội bộ trên Sức mua thặng dư
* 1189 Revert 1132 do KH không rút tiền
* 1198 Điều chỉnh tăng số dư TK
* 1199 Điều chỉnh giảm số dư TK
* 1201 Chuyển khoản tiền giữa 2 tài khoản lưu ký
* 1202 Từ chối chuyển tiền giữa 2 tài khoản lưu ký
* 1204 Hoàn tất chuyển tiền giữa 2 tài khoản lưu ký
* 3350 Thực hiện phân bổ tiền cổ tức vào TK - thuế tại Cty CK
* 3384 Đăng ký mua CP phát hành thêm
* 3386 Huỷ đăng ký mua CP phát hành thêm
* 3394 Đăng ký mua CP phát hành thêm Online
* 5540 Thu hồi khoản giải ngân bắt buộc
* 5569 Thanh lý tái ký khoản vay
* 8848 Sinh lệnh sửa lỗi
* 8849 Hoàn tất sửa lỗi giao dịch
* 8894 Thanh toán tiền lô lẻ
* 9100 Nop tien giao dich
* 2200 Rút lưu ký chứng khoán
* 2202 Phong tỏa chứng khoán
* 2203 Giải tỏa chứng khoán
* 2232 Yêu cầu cầm cố chứng khoán
* 2242 Chuyển khoản chứng khoán nội bộ
* 2244 Chuyển khoản chứng khoán và quyền ra ngoài
* 2245 Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
* 2246 Hoàn tất lưu ký chứng khoán
* 2247 Chuyển khoản chứng khoán và quyền đóng tài khoản
* 2253 Xác nhận giải tỏa cầm cố chứng khoán
* 2254 Từ chối chuyển khoản chứng khoán ra ngoài
* 2263 Chuyển chứng khoán chờ giao dịch thành giao dịch
* 2290 Hủy hồ sơ chuyển khoản chứng khoán đóng tiểu khoản
* 2293 Hủy hồ sơ xin rút lưu ký chứng khoán
* 3341 Thực hiện quyền phân bổ chứng khoán vào tài khoản
* 3351 Thực hiện phân bổ CK quyền
* 3355 Chuyển chứng khoán thực hiện quyền thành giao dịch - từng tiểu khoản
* 3356 Chuyển chứng khoán thực hiện quyền thành giao dịch - cả sự kiện
* 8817 Huỷ đăng ký lô lẻ
* 8848 Sinh lệnh sửa lỗi
* 8878 Đăng ký bán chứng khoán lô lẻ
* 8879 Thanh toán chứng khoán lô lẻ

*(\*\*)Lưu ý kiểm cho các trường hợp tiểu khoản BO, FO*

* + 1. [Flex] Sửa chức năng import I002: Rổ sản phẩm Credit line

Thêm thông tin vào file import:

* EFFDATEMR: Ngày hiệu lực thông tin tính tài sản (giá tính tài sản, tỉ lệ tính tài sản)
  + Bắt buộc nhập
  + Lớn hơn hoặc bằng ngày hệ thống
  + Định dạng DD/MM/YYYY
* MRRATIORATE\_OLD: Tỉ lệ tính tài sản hiện tại
  + Bắt buộc nhập nếu EFFDATEMR lớn hơn ngày hiện tại
  + Là số nguyên dương lớn hơn 0
  + Tối đa 100
* MRPRICERATE\_OLD: Giá tính tài sản hiện tại
  + Bắt buộc nhập nếu EFFDATEMR lớn hơn ngày hiện tại
  + Là số nguyên dương lớn hơn 0
  + Tối đa 999 999 999

Sửa lại cách xử lý khi duyệt import:

* Xóa toàn bộ các mã trong Rổ hiện tại, thêm mới các mã theo file import.
* (\*) Nếu EFFDATEMR lớn hơn ngày hiện tại thông tin giá tính tài sản, tỉ lệ tính tài sản được lấy theo thông tin MRRATIORATE\_OLD, MRPRICERATE\_OLD trong file excel. Lưu thông tin MRRATIORATE, MRPRICERATE với trạng thái chưa được xử lý thông tin tài sản.
* Nếu EFFDATEMR bằng ngày hiện tại thông tin giá tính tài sản, tỉ lệ tính tài sản được lấy theo thông tin MRRATIORATE, MRPRICERATE trong file excel.

Sửa Batch tại ngày EFFDATEMR cập nhật thông tin giá vay, tỉ lệ vay đã lưu ở (\*) vào thông tin cho vay trên hệ thống và cập nhật dữ liệu import đã được xử lý thông tin tài sản.

*(\*\*): Lưu ý trước ngày EFFDATEMR nếu thực hiện import Rổ, hệ thống sẽ hủy bỏ dữ liệu của lần import trước. Dữ liệu import cuối cùng sẽ có hiệu lực.*

* 1. Chặn ứng trước theo mã

**Vấn đề:** Một số mã chứng khoán có rủi do cao. Cần chặn không cho ứng trước trên các mã đã khai báo. Nhu cầu cần chặn được ngay trong ngày. Đồng thời xây dựng hệ thống BC cho phép kiểm tra mã bị chặn hay không và ngày nào.

**Giải pháp:**  Cho phép khai báo danh sách các mã chứng khoán không cho ứng trên tiền bán chờ về (gọi đây là các mã cấm). Căn cứ trên danh sách hệ thống thực thiện:

Nếu ứng trước tự động: Số tiền ứng khả dụng tham gia vào công thức sức mua, số tiền rút, tài sản, …không tính phần tiền bán trên mã cấm. Riêng phần tính Rtt giữ nguyên như hiện tại

Nếu ứng trước thủ công: Không cho phép ứng trên số số tiền bán chờ về của mã cấm.

**Các chức năng/phân hệ cơ bản cần chỉnh sửa:**

* Thêm mới chức năng khai báo chặn ứng theo mã
* Xử lý dữ liệu hỗ trợ hệ thống tính sức mua, số tiền rút, tài sản, Rtt…trên FO, BO
* Sửa giao dịch ứng không đánh dấu trên các lệnh bán mã cấm tại BO
* Sửa batch khi ứng trước thanh toán nghĩa vụ nợ hoặc tiền mua tại BO
* Xây dựng báo cáo cho tra cúu danh sách mã cấm theo ngày

**Ảnh hưởng**

* Cách tính sức mua, số tiền rút, tài sản, Rtt…
* Giao dịch ứng trước (1153)
* Ứng trước trong batch

Chi tiết chỉnh sửa như sau:

* + 1. [Flex] Thêm mới khai báo mã không cho vay ứng trước

**Vị trí:** Hệ thống/Tham số hệ thống/020202: Danh sách mã chặn vay ứng trước

**Mục đích:** Cho phép khai báo danh sách các mã chứng khoán mà tiền chờ về trên lệnh bán các mã này không được ứng trước.

Màn hình chính gồm các thông tin:

|  |  |
| --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả |
| Mã chứng khoán | Mã chứng khoán không cho vay |
| Ngày khai báo | Ngày khai báo |
| Diễn giải | Mô tả lý do khai báo |
| Trạng thái | Trạng thái khai báo:   * Hoạt động: Khai báo có hiệu lực * Chờ duyệt: Khai báo đang có thông tin cần kiểm duyệt |

**Các chức năng:** Thêm mới, Xóa.

**Khi Thêm mới** màn hình hiển thị các trường thông tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả | Điều kiện kiểm tra |
| Mã chứng khoán | Mã chứng khoán cho phép F5 tìm kiếm trong danh sách | Mã chứng khoán phải tồn tại trên hệ thống |
| Ngày khai báo | Mặc định bằng ngày hệ thống  Không cho sửa |  |
| Diễn giải | Mô tả ly do khai báo |  |
| Trạng thái | Trạng thái hoạt động:  - Hoạt động: Khai báo có hiệu lực  - Chờ tuyệt: Khai báo chưa có hiệu lực. Đang có thông tin cần kiểm duyệt.  Mặc định: Chờ duyệt  Không cho sửa |  |

Sau khi sửa thành công, mã chứng khoán tại màn hình chính 020202 hiển thị với Trạng thái = “Chờ duyệt”.

Nghiệp vụ thực hiện “Duyệt” Trạng thái duyệt = “Hoạt động”. Dữ liệu mới được lưu vào hệ thống.

Nghiệp vụ thực hiện “Từ chối”. Dữ liệu mới xóa khỏi hệ thống

**Khi chọn Xóa** mã chứng khoán hệ thống hiển thị thông báo:

“Đồng ý xóa dữ liệu?”

Nếu chọn “Yes”, sau khi chấp nhận, dòng dữ liệu của tiểu khoản bị xóa.

Nếu chọn “No” hủy yêu cầu xóa. Dữ liệu giữ nguyên như cũ.

* + 1. [Flex] Đồng bộ các mã chặn ứng lên FO

Danh sách các mã chặn ứng được đồng bộ lên FO khi:

* Batch cuối ngày
* Khi có hoạt động thêm mới hoặc xóa mã trong màn hình 020202
  + 1. [Flex] Chỉnh sửa công thức tính số tiền ứng khả dụng

Số tiền có thể ứng tối đa đang được tính bằng tổng số tiền bán thực nhận (giá trị bán –phí –thuế -thuế quyền) của tất cả các lệnh bán

Sửa thành:

Số tiền có thể ứng tối đa được tính bằng tổng số tiền bán thực nhận (giá trị bán –phí –thuế -thuế quyền) của tất cả các lệnh bán các mã không có trong danh sách chặn ứng tại màn hình 020202.

Lưu ý với công thức tính Rtt số tiền có thể ứng giữ nguyên như hiện tại.

**Ảnh hưởng:**

* Cách tính số tiền rút
* Cách tính sức mua
* Tính Rtt
* Tính số lượng chứng khoán được rút, chuyển khoản.
  + 1. [Flex] Chỉnh sửa đồng bộ số tiền có thể ứng ngày quá khứ lên FO

Flex đang đồng bộ lên FO số tiền ứng khả dụng tối đa ngày quá khứ đang được tính bằng tổng số tiền bán thực nhận (giá trị bán –phí –thuế -thuế quyền) của tất cả các lệnh bán trừ phí ứng.

Sửa thành:

Flex đồng bộ lên FO số tiền ứng khả dụng tối đa ngày quá khứ tính bằng tổng số tiền bán thực nhận (giá trị bán –phí –thuế -thuế quyền) của tất cả các lệnh bán các mã không có trong danh sách chặn ứng tại màn hình 020202 trừ phí ứng.

* + 1. [FO] Chỉnh sửa công thức tính số tiền ứng khả dụng trong ngày

Số tiền ứng khả dụng trong ngày được tính bằng tổng số tiền bán thực nhận (giá trị bán –phí –thuế -thuế quyền) của tất cả các lệnh bán trừ phí ứng.

Sửa thành:

Số tiền ứng khả dụng trong ngày tính bằng tổng số tiền bán thực nhận (giá trị bán –phí –thuế -thuế quyền) của tất cả các lệnh bán trong ngày trên mã không có trong danh sách chặn ứng tại màn hình 020202 trừ phí ứng.

**Ảnh hưởng:**

* Cách tính số tiền rút
* Cách tính sức mua
* Tính Rtt
* Tính số lượng chứng khoán được rút, chuyển khoản.
  + 1. [Flex] Sửa ứng trước trong Batch

Trong batch hiện đang ứng trước trên lệnh bán của tất cả mã chứng khoán để thanh toán nợ và trả tiền mua.

Sửa thành:

Chỉ sử dụng tiền bán trên các mã không bị chặn ứng để ứng trước trả nợ và thanh toán tiền mua.

* + 1. [Flex] Thêm mới báo cáo lịch sự chặn vay ứng trước

**Mục đích:** Hiển thị lịch sử khai báo danh sách các mã chứng khoán chặn ứng trước.

**Tham số đầu vào:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên tham số | Mô tả |
| Từ ngày | Ngày bắt đầu lấy danh sách các mã chứng khoán bị chặn ứng |
| Đến ngày | Ngày cuối cùng lấy danh sách các mã chứng khoán bị chặn ứng |
| Mã chứng khoán | Mặc định: ALL  Cho phép F5 để tìm kiếm mã chứng khoán |

Báo cáo hiển thị danh sách các mã chứng khoán trong khoảng thời gian **Từ ngày Đến ngày** có thực hiện khai báo hoặc hủy khai báo chặn ứng trước.

Chi tiết báo cáo hiển thị các trường thông tin:

|  |  |
| --- | --- |
| Trường dữ liệu | Mô tả |
| Mã chứng khoán | Mã bị chặn hoặc hủy chặn ứng |
| Hành động | Chặn: Thêm mới khai báo  Hủy chặn: Xóa khai báo |
| Ngày thực hiện | Ngày hủy chặn hoặc khai báo |
| Diễn giải | Lý do thực hiện khai báo |

* 1. Đồng bộ Pool AF giữa FO, BO

**Vấn đề**:

Mô tả tình huống:

1. Tại màn hình 230001 và 230002 tạo pool 0002 cho nhóm loại hình AFtype 4000

2. Set hạn mức pool này = 10 triệu

3. Đặt lệnh với tiểu khoản có aftype = 4000 thì HFT không check được pool và hạch toán được pool 0002. Giả sử đặt mua dùng đến pool là 50 triệu thì lệnh đang thành công chứ không bị check hạn mức pool AF tối đa chỉ có 10 triệu như khai báo.

Nguyên nhân: do HFT mới đang chỉ tổng hợp pool về 2 loại SYSTEM và UB nên chưa xử lý được pool cho loại hình Aftype

Mong muốn: HFT xử lý đồng bộ, check pool và hạch toán pool cho loại pool AF

**Nguyên nhân:**

**Tại BO:**

Hiện có các loại pool gồm:

1. Pool hệ thống (Pool ST)
2. Pool ủy ban (Pool UB)
3. Pool loại hình theo chi nhánh (Pool AF)

Khi có phát sinh sử dụng pool, BO kiểm tra Pool khả dụng và hạch toán trên các pool tương ứng như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại hình tiểu khoản tuân thủ UB (Có/Không) | Có pool loại hình theo chi nhánh (Có/Không) | Các pool cần được kiểm tra và hạch toán |
| Có | Có | Pool UB  Pool ST  Pool AF |
| Có | Không | Pool UB  Pool ST |
| Không | Có | Pool ST  Pool AF |
| Không | Không | Pool ST |

**Tại HFT:**

Đầu ngày được xử lý đồng bộ từ BO dữ liệu:

* Thông tin hạn mức khả dụng của Pool UB, Pool ST, Pool AF, Pool tiểu khoản.
* Tiểu khoản chỉ định sử dụng Pool theo nguyên tắc.
  + Nếu tiểu khoản sử dụng Pool tiểu khoản ghi nhận tiểu khoản ăn theo Pool tiểu khoản riêng
  + Nếu tiểu khoản sử dụng loại hình vay tuân thủ UB sử dụng Pool UB
  + Còn lại sử dụng Pool ST.

Trong ngày các phát sinh cần hạch toán, căn cứ Pool được chỉ định của tiểu khoản HFT thực hiện kiểm tra và hạch toán theo nguyên tắc:

* Nếu Pool chỉ định không phải Pool UB kiểm tra và hạch toán theo Pool được chỉ định.
* Nếu Pool chỉ định là Pool UB, thực hiện kiểm tra hạch toán trên Pool UB, Pool ST.

Như vậy trường hợp tiểu khoản được giao dịch theo Pool AF, HFT hiện đang không xử lý đúng.

**Giải pháp:** Xử lý đồng bộ thông tin Pook AF từ BO lên FO theo thông tin tiểu khoản. Trong ngày FO kiểm tra và hạch toán theo Pool đã chỉ định ở thông tin tiểu khoản.

**Các chức năng/phân hệ cơ bản cần chỉnh sửa:**

* Đồng bộ thông tin Pool từ BO lên FO đầu ngày, trong ngày
* Xử lý kiểm tra và hạch toán Pool tại FO.

**Ảnh hưởng**

Đánh dấu Pool tại FO

Các giao dịch có hạch toán tiền, chứng khoán trên hệ thống

Chỉnh sửa chi tiết như sau:

* + 1. Chỉnh sửa đồng bộ Pool chỉ định, tính chất tuân thủ từ BO lên FO.

Đầu ngày hoặc khi sinh mới các tiểu khoản đồng bộ lên FO, Pool chỉ định của tiểu khoản margin được đồng bộ lên FO theo nguyên tắc:

* Nếu tiểu khoản sử dụng loại hình vay tuân thủ UB có pool chỉ định là Pool UB
* Nếu tiểu khoản sử dụng Pool AF ghi nhận tiểu khoản có pool chỉ định là PoolAF
* Còn lại sử dụng pool chỉ định là Pool ST.

Thêm mới thông tin tiểu khoản margin có tuân thủ ủy ban hay không theo nguyên tắc:

* Có: nếu loại hình vay tuân thủ UB
* Không: nếu loại hình vay không tuân thủ UB
  + 1. Chỉnh sửa luồng kiểm tra hạch toán Pool trên HFT.

Trong ngày các phát sinh cần hạch toán, căn cứ Pool được chỉ định của tiểu khoản HFT thực hiện **kiểm tra** Pool khả dụng và **hạch toán** theo nguyên tắc:

* Nếu Pool chỉ định là Pool AF, tuân thủ UB là Có thực hiện kiểm tra và hạch toán Pool AF, Pool UB, Pool ST
* Nếu Pool chỉ định là Pool AF, tuân thủ UB là Không thực hiện kiểm tra và hạch toán Pool AF, Pool ST
* Nếu Pool chỉ định là Pool UB, thực hiện kiểm tra hạch toán trên Pool UB, Pool ST.
* Nếu Pool chỉ định là Pool ST, thực hiện kiểm tra hạch toán trên Pool ST.

**Ảnh hưởng**

Danh sách các giao dịch cần kiểm tra và hạch toán Pool

* Đặt/hủy/sửa lệnh
* 0088 Yêu cầu đóng Tiểu khoản
* 1101 Chuyển khoản tiền ra ngân hàng
* 1105 Thu phí
* 1111 Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (Tele)
* 1113 Cắt tiền dịch vụ/SMS cảnh báo
* 1114 Từ chối chuyển khoản tiền ra ngân hàng
* 1120 Chuyển khoản nội bộ
* 1130 Chuyển khoản nội bộ (Tele)
* 1131 Nộp tiền mặt
* 1132 Rút tiền mặt
* 1133 Chuyển khoản tiền ra bên ngoài (với CMND)
* 1137 Hoàn thuế cho khách hàng
* 1138 Giảm trừ phí cho khách hàng
* 1141 Nhận chuyển khoản từ ngân hàng
* 1144 Phong tỏa tiền
* 1145 Giải tỏa tiền
* 1153 Ứng trước tiền bán
* 1168 Phong tỏa tiền cầm cố
* 1169 Giải tỏa tiền cầm cố
* 1180 Thu phí lưu ký chứng khoán trong ngày
* 1182 Phí lưu ký tháng
* 1184 Rút tiền mặt trên Sức mua thặng dư
* 1185 Chuyển tiền ra ngân hàng trên sức mua thặng dư
* 1188 Chuyển khoản tiền nội bộ trên Sức mua thặng dư
* 1189 Revert 1132 do KH không rút tiền
* 1198 Điều chỉnh tăng số dư TK
* 1199 Điều chỉnh giảm số dư TK
* 1201 Chuyển khoản tiền giữa 2 tài khoản lưu ký
* 1202 Từ chối chuyển tiền giữa 2 tài khoản lưu ký
* 1204 Hoàn tất chuyển tiền giữa 2 tài khoản lưu ký
* 3350 Thực hiện phân bổ tiền cổ tức vào TK - thuế tại Cty CK
* 3384 Đăng ký mua CP phát hành thêm
* 3386 Huỷ đăng ký mua CP phát hành thêm
* 3394 Đăng ký mua CP phát hành thêm Online
* 5540 Thu hồi khoản giải ngân bắt buộc
* 5569 Thanh lý tái ký khoản vay
* 8848 Sinh lệnh sửa lỗi
* 8849 Hoàn tất sửa lỗi giao dịch
* 8894 Thanh toán tiền lô lẻ
* 9100 Nop tien giao dich
* 2200 Rút lưu ký chứng khoán
* 2202 Phong tỏa chứng khoán
* 2203 Giải tỏa chứng khoán
* 2232 Yêu cầu cầm cố chứng khoán
* 2242 Chuyển khoản chứng khoán nội bộ
* 2244 Chuyển khoản chứng khoán và quyền ra ngoài
* 2245 Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
* 2246 Hoàn tất lưu ký chứng khoán
* 2247 Chuyển khoản chứng khoán và quyền đóng tài khoản
* 2253 Xác nhận giải tỏa cầm cố chứng khoán
* 2254 Từ chối chuyển khoản chứng khoán ra ngoài
* 2263 Chuyển chứng khoán chờ giao dịch thành giao dịch
* 2290 Hủy hồ sơ chuyển khoản chứng khoán đóng tiểu khoản
* 2293 Hủy hồ sơ xin rút lưu ký chứng khoán
* 3341 Thực hiện quyền phân bổ chứng khoán vào tài khoản
* 3351 Thực hiện phân bổ CK quyền
* 3355 Chuyển chứng khoán thực hiện quyền thành giao dịch - từng tiểu khoản
* 3356 Chuyển chứng khoán thực hiện quyền thành giao dịch - cả sự kiện
* 8817 Huỷ đăng ký lô lẻ
* 8848 Sinh lệnh sửa lỗi
* 8878 Đăng ký bán chứng khoán lô lẻ
* 8879 Thanh toán chứng khoán lô lẻ

1. TRANG KÝ

Tài liệu này gồm bốn (04) bản, mỗi bên giữ hai (02) bản.

|  |  |
| --- | --- |
| *Hà Nội, Ngày Tháng Năm* | |
| **Đại diện bên KBSV** | **Đại diện bên FSS** |
| **Đại diện bên KBSV** | **Đại diện bên FSS** |
| **Đại diện bên KBSV** | **Đại diện bên FSS** |